

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HSST
Ngày 30 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hương

2. Bà Dư Thị Út

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngộ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2017/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Văn T**, sinh năm 1996 tại Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Không có nơi cư trú xác định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; Cha là Đặng Văn Ng (chết) và mẹ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 29/4/2017 đến ngày 30/4/2017 được trả tự do, ngày 19/5/2017 bị bắt tạm giam đến nay (có mặt).

Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1994; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Nhà cho thuê số A, Hẻm B, đường T, khóm I, phường J, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm 1995; đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Nhà cho thuê số A, Hẻm B, đường T, khóm I, phường J, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

3. Chị Trần Ngọc H, sinh năm 1995; đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp O, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Nhà cho thuê số A, Hẻm B, đường T, khóm I, phường J, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 28/4/2017, bị cáo Đặng Văn T cùng 01 người tên K không rõ nhân thân nảy sinh ý định vào khu vực hẻm B, khóm I, phường J, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu để tìm tài sản lấy trộm. K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter (không rõ biển số) chở Đặng Văn T đến nhà cho thuê của ông Nguyễn Đức H tại số A, Hẻm B, khóm I, phường J, thành phố C, K đưa cho T 01 cây kéo và 01 cây tua vít không có cán rồi kêu T đi vào lấy trộm tài sản,

còn K đứng bên ngoài canh đường. Khi vào bên trong dãy phòng trọ, bị cáo T thấy phòng trọ số 7 không có khóa bên trong, những người trong phòng đang ngủ. T lên vào dùng kéo cắt mùng rồi lấy 01 điện thoại di động hiệu Sky A890 màu trắng, có ốp lưng màu đen của chị Trần Ngọc H, 01 điện thoại Samsung loại J5 prime có ốp lưng màu hồng của chị Nguyễn Thị Diễm T; sau đó bị cáo tiếp tục lấy 01 túi xách bằng da màu đen của chị Nguyễn Thị Mộng C, bị cáo đem ra trước cửa phòng, kiểm tra thấy có 01 cái ví nhựa màu xám bên trong có số tiền 479.000 đồng.

Sau khi bị cáo lấy trộm tài sản, đi ra chỗ K thì bị lực lượng công an phường 1 đang tuần tra, thấy bị cáo có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở công an làm việc, còn K điều khiển xe chạy mất.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, các tài sản bị cáo lấy của người bị hại đã được trả cho chủ sở hữu; bị cáo đã nhận lại các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 chứng minh nhân dân photocopy mang tên Nguyễn Hồng Đ, 01 ví nam bằng da màu đen, 01 biên nhận cầm đồ; đối với chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Xuân T cơ quan điều tra chưa làm việc được với người đứng tên nên tiếp tục lưu giữ, xác minh làm rõ, xử lý sau; đối các vật chứng khác: 01 cây vít không có cán đang lưu giữ lại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, 01 cây kéo không thu hồi được.

Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐG ngày 18/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định:

- 01 điện thoại Samsung Galaxy J5 Prime, 16 GB màu trắng – hồng, tỉ lệ còn lại thực tế của điện thoại trên là 90%, với giá là 4.221.000 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi một ngàn đồng).

- 01 ốp lưng (đi kèm điện thoại trên), màu hồng, với giá là 72.000 đồng (Bảy mươi hai ngàn đồng).

- 01 điện thoại di động hiệu Sky A890, 32 GB màu trắng, tỷ lệ còn lại thực tế của điện thoại trên là 80%, với giá là 1.596.000 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

- 01 ốp lưng (đi kèm điện thoại trên), màu đen, tỷ lệ còn lại thực tế của ốp lưng trên là 80%, với giá 40.000 đồng (Bốn mươi ngàn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số 94/KL-HĐĐG ngày 04/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định:

- 01 (một) cái ví nữ, bằng nhựa, màu xám, tỷ lệ còn lại thực tế của cái ví nói trên là 85%, với giá là 42.500 đồng (Bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng).

- 01 (một) cái túi xách nữ bằng da, màu đen, có 02 ngăn, tỷ lệ còn lại thực tế của túi xách là 90%, với giá là 99.000 đồng (Chín mươi chín ngàn đồng)

Bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Bản cáo trạng số 79/QĐ-KSĐT ngày 03 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố đối với bị cáo Đặng Văn T, hành vi của bị cáo lén lút lấy trộm tài sản của bị hại theo kết luận

định giá của cơ quan chuyên môn có tổng giá trị là 6.549.500 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu trong trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây hậu quả, các tài sản đã trả lại cho người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đặng Văn T mức án từ 05 (năm) tháng đến 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003, tịch thu tiêu hủy 01 cây vít không có cán.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đặng Văn T giữ nguyên các lời khai đã trình bày tại cơ quan điều tra.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo đã ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo Đặng Văn T phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định khoảng 01 giờ ngày 28/4/2017, tại nhà trọ của ông Nguyễn Đức H, tại Hẻm B, khóm I, phường J, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu bị cáo Đặng Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại Nguyễn Thị Diễm T, Nguyễn Thị Mộng C, Trần Ngọc H, có tổng giá trị tài sản là 6.549.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

[2] Bị cáo là người đã thành niên, không bị hạn chế về tinh thần, thể chất có khả năng lao động tạo ra của cải vật chất, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm nhưng vì mục đích háms lợi bị cáo bất chấp; nên cần phải xử lý nghiêm, có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng hình phạt tù giam, cách ly bị cáo khỏi sinh hoạt xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và bị xét xử về tội có mức hình phạt cao nhất là 03 năm tù, các tài sản đã được trả cho người bị hại nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và trong trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây hậu quả quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo như mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ.

Đối người tên K, chưa xác định rõ nhân thân, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Các tài sản đã trả cho người bị hại, những người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

[3] Về vật chứng: Đối với 01 cây vít không có cán, là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[4] Về án phí: Bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Tuyên xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 19/5/2017 và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/4/2017 đến ngày 30/4/2017.

3. Về vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 1999, Tịch Thu tiêu hủy 01 cây vít không có cán trong 01(một) gói niêm phong còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký viết tên Đặng Văn T, Điều tra viên Trần Quốc Cường và dòng chữ: “01 tua vít”.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án hình sự sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngừng người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP Bạc Liêu;
- CQ Điều tra TP Bạc Liêu;
- Chi Cục THA.DS TP Bạc Liêu;
- Nhà Tạm giữ thuộc Công an TP Bạc Liêu;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu.

Lâm Thị Tuyết Anh

Bản án hình sự sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngừng người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; không đồng ý: Không

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa